

CAN VÀ ĐẢM

A. Biện chứng luận trị

Công năng sinh lý của can chủ yếu là sơ tiết(*) và tàng (chứa) huyết. Khi có biến hóa bệnh lý, chủ yếu là do sơ tiết bất thường làm cho can uất, can hỏa vượng, can dương thượng cang, can âm bất túc. Can mất sơ tiết, hoặc can hỏa thịnh đều ảnh hưởng đến công năng tàng huyết của can mà xuất hiện chứng xuất huyết. Bệnh thường thấy của đả là chứng đả nhiệt.

1. Can uất (can khí uất kết, can khí bất thư) (can khí không thả lỏng)

a. Triệu chứng: Hấp tấp, dễ cáu, hoặc tinh thần uất ức, vàng đầu, trướng đau hai mạng sườn, hoặc đau nhói, vừa thở vừa rên, ăn không ngon, miệng đắng hoặc nôn mửa, bụng đau, ỉa chảy, kinh nguyệt không đều, rêu lưỡi trắng nhuận, mạch huyền. Nếu can uất đã lâu dẫn đến can ứ huyết sẽ kèm có báng (can, tỷ sưng to), ven lưỡi có nốt ban, ứ, mạch huyền (căng như dây đàn), hoặc sáp (hoặc rít).

b. Bệnh lý: Can khí uất kết không sơ tiết được, sinh ra tính tình dễ cáu, hấp tấp. Can kinh khí huyết ứ trệ gây nên chứng đau hai sườn. Can khí không tiết vượt ra được thì phá ngang, xâm phạm tỷ, vị gây nên đau sườn, bụng, ỉa chảy, rên khi thở, ăn uống không biết ngon, nôn mửa. Đàn bà do khí huyết không thư, ảnh hưởng mạch xung, nhâm mà sinh ra kinh nguyệt không đều. Mạch huyền là mạch thường thấy của bệnh gan, (mạch huyền: Căng như dây đàn).

c. Phép chữa: Nên sơ can lý(**) khí, thường dùng *Sài hồ sơ can thang*; nếu kèm ứ huyết nên gia thêm thuốc hoạt huyết vào trong sơ can lý trí, thường dùng *Tiêu dao tán* gia *Đan sâm*, *Bồ hoàng*, *Ngũ linh chi*. Viêm gan mạn tính thuộc loại can uất, nên dùng *Tiêu dao tán*. Nếu thấy gan sưng to, gan viêm, hay bước đầu xơ gan mà kèm ứ huyết có thể thêm vị thuốc hoạt huyết. Nếu là bệnh lao phổi có chứng can uất (dễ cáu, đau sườn, đắng miệng, mạch huyền) là có âm hư, có thể dùng *Tiểu sài hồ thang*, bỏ các vị thuốc ôn táo, gia *Ô đầu*, *Nữ trinh tử*, *Sa sâm* là những vị dưỡng can. Kinh nguyệt không đều thuộc về can uất có thể dùng *Tiêu dao tán* gia giảm.

2. Can dương thượng cang (can dương cang thịnh, âm hư can vượng)

a. Triệu chứng: Đau đầu, choáng váng, dễ cáu hoặc nhìn lơ mơ, đau sườn, đắng miệng ven lưỡi màu hồng, rêu trắng, mạch huyền.

Nếu thấy chứng đau đầu dữ dội, choáng váng, tai ù, điếc, mắt đỏ, mắt đau, dễ cáu, ngủ không yên, thổ huyết, máu cam, đau móng tay, ven đầu lưỡi hồng, rêu vàng hoặc vàng dày mà khô, mạch huyền, hữu lực là can hỏa thịnh.

Nếu can dương cang thịnh đến mức can phong nội động đều dẫn đến trúng phong (tai biến mạch máu não) mà xuất hiện liệt nửa người, mất tiếng, miệng mắt méo hoặc rúm rỏ chân tay, hôn mê là do nhiệt cực, phải giải quyết như chứng ôn nhiệt.

(*) Sơ tiết: Điều tiết khắp mọi nơi.

(**) Lý: Đưa trở về với trạng thái tự nhiên.

b. Bệnh lý: Can dương thương Cang là do can nóng bốc lên quá nhiều, dương thiên thịnh ở đầu, mắt, gây đau đầu, đau mắt, huyết áp tăng, đắng miệng, đau sườn, ven lưỡi hồng, mạch huyền là chứng thường thấy của các kinh can, đảm có bệnh). Nếu can hỏa thịnh (can hỏa tích thịnh, can kinh thực hỏa) trừ các chứng của can dương thương Cang ra, còn có các chứng thiên về hỏa, nhiệt, như hỏa thịnh ở trên làm cho đau đầu dữ dội, kèm xuất hiện mắt đỏ, tai ù; do can hỏa thịnh làm ảnh hưởng công năng tàng huyết, nhiệt bất ép huyết “vọng hành”, sẽ xuất hiện các chứng nôn ra máu, chảy máu cam; can hỏa thương cân, làm đau móng tay; ven đầu lưỡi hồng, rêu vàng mạch huyền, sắc đều là chứng của hỏa nhiệt.

Can dương thương Cang, hay can hỏa thịnh đều có thể phát triển thành can phong nội động (co giật).

c. Phép chữa: Can dương thương Cang nên dùng pháp bình can, dẹp phong, dìm dương, dùng: *Thạch quyết cầu đằng ẩm*. Can hỏa thịnh thì nên thanh can tả hỏa, dùng *Long đàm tả can thang*.

Nếu sung huyết não, xuất huyết não thuộc về bế chứng (hôn mê, bất tỉnh, hai tay nắm, răng cắn chặt, mạch huyền hoặc khẩn) thì dùng khai khiếu pháp (thiên về nhiệt thì dùng lương khai, hàn thì dùng ôn khai) kết hợp châm chích chữa như chữa trúng gió.

Bệnh cao huyết áp thuộc can hỏa thịnh, dùng thanh can tả hỏa, lấy Long đàm tả can thang bỏ vị Sài hồ (hoặc ít Sài hồ) để giảm tác dụng thăng phát, gia thêm Thạch quyết minh, Ngưu tất làm tăng sức giáng hỏa. Cấp tính viêm tai giữa có mủ và mụn nhọt ở tai ngoài đều có thể chữa bằng Long đàm tả can thang. Cấp tính sung huyết đáy mắt cũng vậy. Phần trên của bộ máy tiêu hóa bị xuất huyết do can hỏa thịnh dẫn đến thì dùng Long đàm thảo, Sơn tra tử, Hoàng cầm, Đại hoàng, Sinh địa hoàng, Hận liên thảo, Tử châu thảo, Trách dùng thuốc thăng đề. Bệnh bạch huyết^(*) thuộc về can hỏa thịnh, nếu có xuất huyết dùng Dương quy lô hội hoàn.

3. Can âm bất túc

a. Triệu chứng: Choáng váng, đau đầu dai dẳng, tai ù, điếc, quáng gà, mắt ngủ, hay mộng mị, tay chân tê dại, run rẩy, lưỡi hồng, ít nước bọt, rêu lưỡi ít hoặc không rêu, mạch huyền, tể (căng, nhỏ), hoặc tể, sắc (nhỏ, nhanh).

b. Bệnh lý: Can dựa vào sự nuôi dưỡng của thận thủy, can âm bất túc là do thận âm bất túc, tinh không hóa huyết, huyết không dưỡng can mà ra. Can âm bất túc dẫn đến can dương thiên Cang (hư chứng khác với can dương thương Cang của thực chứng, càng khác can hỏa thịnh thuộc thực chứng), vì là hư chứng nên các chứng xuất hiện từ từ chứ không đột ngột, dữ dội, ưa sờ nắn, xoa bóp. Cần phân biệt rõ ở chỗ chứng này lưỡi hồng, ít bọt, rêu lưỡi ít hoặc không rêu, mạch tể, sắc là tượng lưỡi và tượng mạch của âm hư... tay chân tê dại, thịt mềm nhẽo là do âm dịch không đủ gây nên.

c. Phép chữa: Nên tư thận dưỡng can, dùng Kỷ cúc địa hoàng hoàn. Cao huyết áp thuộc can âm bất túc dùng Lục vị địa vị hoàng hoàn gia Qui bản (hoặc Miết giáp), Mẫu lệ, Ngọc

^(*) Bệnh bạch huyết: Máu trắng, ung thư máu.

mề tu, Viêm võng mạc trung tâm thuộc về can âm bất túc có thể dùng Lục vị địa hoàng hoàn, gia Miết giáp, Thiên thoái để nuôi âm, dìm dương. Mạn tính viêm gan, hoặc gan sưng to do can viêm mà thấy đột nhiên đau hai mạng sườn, lưỡi hồng không rêu, ít bọt, mạch tế hoặc tế sác là can âm bất túc thì dùng Nhất quán tiễn để dưỡng can âm.

4. Đảm nhiệt (can đảm thấp nhiệt)

a. Triệu chứng: Sườn phải đau thành cơn, đái ít mà đỏ, miệng đắng, họng khô, nóng rét lẫn lộn, nôn mửa, nhói đau vùng lõm ức, ăn ít, bụng trướng, lưỡi hồng rêu vàng, mạch huyền, sác (căng nhanh).

b. Bệnh lý: Do nhiệt nên đảm không sơ tiết được gây ra sườn phải đau đớn. đảm kinh có nhiệt thì đắng miệng, họng khô, nóng rét lẫn lộn. Nhiệt kiêm thấp, thấp nhiệt uất chứng làm vàng da, đái ít, nước tiểu vàng hoặc đỏ. Can khí phạm vị (can vị bất hòa), gây đau vùng thượng vị, nôn, ăn ít, bụng trướng... đó là chứng của tỳ, vị; lưỡi hồng, rêu vàng, mạch huyền sác là chứng của nhiệt.

c. Phép chữa: Nên thanh nhiệt lợi đảm, thông dùng Sơn tra tử, Hoàng cầm, Uất kim, Huyền minh phấn, Sài hồ, Chỉ xác, Hồ trượng, Kim tiền thảo. Nếu kiêm táo bón gia Đại hoàng, Chỉ thực, Chỉ xác. Nếu đau đớn dữ dội thì gia Mộc hương để hành khí, gia Bồ hoàng, Ngũ linh chi để hoạt huyết chỉ thống^(*). Vàng da rõ rệt gia Nhân trần, Đại hoàng, Khê hoàng thảo.

Viêm túi mật cấp tính và sỏi mật thì dùng phép chữa kể trên, viêm mật mạn tính thì dùng Sài hồ, Uất kim, Hoàng cầm, Bạch thực, Hồ trượng, Kim tiền thảo, Huyền minh phấn, Bồ hoàng, Ngũ linh chi, Cam thảo.

B. Điểm chủ yếu để luận trị về can đảm

- Can có bệnh phần nhiều là chứng dương cương, lâu ngày không khỏi dễ tổn hại đến can âm, hình thành chứng dương cương âm hư. Phép chữa: Nên dưỡng can âm, bình can dương.
- Hư chứng của can phần nhiều thuộc âm hư. Do “can thận đồng nguyên” nên phép chữa là tư thận dưỡng can^(**).

C. Những bài thuốc về can và đảm

1. Sài hồ sơ can thang

Sài hồ	1-3 đồng cân,	Bạch thực	3 đồng cân,
Chỉ thực	3 đồng cân,	Cam thảo	1-1,5 đồng cân,
Xuyên khung	1 đồng cân,	Hương phụ	1,5 đồng cân,
Trần bì	1 đồng cân.		

(*) Hoạt huyết chỉ thống: Máu lưu được thông, dứt đau.

(**) Tư thận dưỡng can: Bổ thận để lấy thận nuôi can.

2. Tiêu dao tán

Sài hồ 1-3 đồng cân, Bạch thược 3 đồng cân,

Cam thảo 1-1,5 đồng cân.

Gia Bạch truật, Phục linh, Đương quy, Ôi khương, Bạc hà.

3. Tiêu sài hồ thang

Sài hồ 2-4 đồng cân, Hoàng cầm 1,5-3 đồng cân,

Bán hạ 2-3 đồng cân,

Nhân sâm hoặc Đảng sâm 3-4 đồng cân,

Chích cam thảo 1-2 đồng cân, Sinh khương 2-4 lát thái,

Đại táo 4-6 quả.

4. Đạo đàm thang

Chế bán hạ 2-3 đồng cân, Trần bì 2-3 đồng cân,

Phục linh 3-4 đồng cân, Cam thảo 1 đồng cân,

Chỉ thực 2-3 đồng cân, Chế nam tinh 1-2 đồng cân.

5. Đại xích tán (Đạo nhiệt tán)

Sinh địa 4 đồng cân - 1 lạng, Mộc thông 2-3 đồng cân,

Cam thảo tiêu 2 đồng cân, Trúc diệp 2-3 đồng cân.

6. Quất hạch hoàn

Xuyên luyện tử, Quất hạch, Hậu phác, Chỉ thực, Quế tâm, Côn bố, Hải táo, Hải đới, Đào nhân, 9 vị trên mỗi thứ đều 1 lạng.

Mộc thông, Diên hồ sách, Mộc hương, mỗi thứ đều 5 đồng cân.

Bỏ chung, nghiền mịn, rây rượu làm viên, to như hạt ngô đồng, ngày uống một lần 70 viên, uống với rượu ấm hoặc nước muối đun nhạt.

7. Ô dược tán

Ô tặc cốt 18 cân, Cam thảo phán 26 cân 11 lạng,

Bạch thược 13 cân 5 lạng.

Cộng lại nghiền nhỏ, mỗi gói 3 đồng cân. Ngày dùng từ 0,5-1 đồng cân.

8. Thạch quyết câu đằng ẩm (Thiên ma câu đằng ẩm)

Thiên ma 2 đồng cân, Câu đằng 4 đồng cân,

Sinh Thạch quyết minh 5 đồng cân, Tang ký sinh 3 đồng cân,

Đỗ trọng 4 đồng cân, Ngưu tất 3 đồng cân,

Sơn chi 3 đồng cân, Hoàng cầm 3 đồng cân,

Ích mẫu thảo 3 đồng cân, *Chu Phục thần* 4 đồng cân,
Dạ giao đằng 5 đồng cân.

9. Long đằm tả can thang

Long đằm thảo 5 phân - 2 đồng, *Sơn chi* 2-4 đồng cân,
Hoàng cầm 2-4 đồng cân, *Sài hồ* 1-3 đồng cân,
Đương quy 2-4 đồng cân, *Sinh địa hoàng* 3-5 đồng cân,
Trạch tả 2-4 đồng cân, *Xa tiền tử* 3-5 đồng cân,
Mộc thông 2-3 đồng cân, *Cam thảo* 1-2 đồng cân.

10. Đương quy lô hội hoàn (Đương quy long hội hoàn)

Đương quy rửa rượu sấy, *Long đằm thảo* sao khô, *Chi tử* sao, *Hoàng liên* sao, *Hoàng bá*, *Hoàng cầm* sao.

Các vị trên mỗi thứ đều 1 lạng.

Đại hoàng ngâm rượu sao, *Thanh đại thủy phi*, *Lô hội thủy phi*.

Ba vị trên mỗi thứ 5 đồng cân.

Mộc hương 2,5 đồng cân *Xạ hương* 5 phân.

Nghiền chung nhомin, rây nước làm viên to như hạt đậu xanh, mỗi lần uống 20-30 viên, thang bằng nước gừng sống đun sôi.

11. Kỷ cúc địa hoàng hoàn

Thực địa hoàng 8 lạng, *Sơn thù nhục* 4 lạng,
Sơn dược 4 lạng, *Trạch tả* 3 lạng,
Đan bì 3 lạng, *Phục linh* 3 lạng,
Câu kỷ tử 3 lạng, *Bạch cúc hoa* 3 lạng.

Mỗi ngày uống 2-4 đồng cân, chia làm 2 lần uống với nước muối nhạt.

12. Lục vị địa hoàng hoàn

Thực địa hoàng 8 lạng, *Sơn thù nhục* 4 lạng,
Sơn dược 4 lạng, *Trạch tả* 3 lạng,
Đan bì 3 lạng, *Phục linh* 3 lạng.

Mỗi ngày uống 2-4 đồng cân, chia làm 2 lần uống với nước muối nhạt.

13. Nhất quán tiền

Bắc sa sâm 3 đồng cân, *Mạch môn* 3 đồng cân,
Đương quy 3 đồng cân, *Sinh địa hoàng* 8-14 đồng cân,
Câu kỷ tử 3-8 đồng cân, *Xuyên luyện tử* 1,5 đồng cân.